

Số: 158./QĐ-VTF

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố, công khai số liệu quyết toán**  
**thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020**

**GIÁM ĐỐC QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2014 của Bộ thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 202/TB-BTTTT ngày 30/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài chính - Kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (nội dung công khai tại phụ lục kèm theo Quyết định).

Hình thức công khai: Công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng ban Tổ chức - Hành chính, Trưởng ban Tài chính - Kế toán, Trưởng các đơn vị thuộc Quỹ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /B

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Công đoàn Quỹ;
- Website Quỹ;
- Lưu VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Duy Hiếu**



Đơn vị: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Chương: 027

## QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-VTF ngày .../.../2021 của Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>220.793,630</b>	<b>220.793,630</b>	<b>0</b>	
1	Ngân sách nhà nước cấp thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	90	90	0	
2	Thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông	220.703,630	220.703,630	0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>13.132,000</b>	<b>13.047,970</b>	<b>(84)</b>	
1	Ngân sách nhà nước cấp thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	90	90	0	
2	Thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông	13.042,000	12.957,970	(84)	
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	90	90	0	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	90	90	0	
<b>II</b>	<b>Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên</b>	<b>13.042,000</b>	<b>11.249,873</b>	<b>(1.792,127)</b>	
<b>III</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích</b>	<b>302.413,115</b>	<b>302.413,115</b>	<b>0</b>	
1	Chương trình thành phần 1 - Kết nối băng rộng	9.953,683	9.953,683	0	
2	Chương trình thành phần 2 - Kết nối khẩn cấp	18.703,878	18.703,878	0	
3	Chương trình thành phần 3 - Kết nối cộng đồng	17.978,857	17.978,857	0	
4	Chương trình thành phần 4 - Kết nối công sở	25.384,654	25.384,654	0	
5	Chương trình thành phần 5 - Kết nối truyền hình số	230.392,044	230.392,044	0	